

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hà
2. Bà Mai Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2020/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Chu Thị Bích N – sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã H, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

* Bị đơn: Anh Mai Xuân H – sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Chu Thị Bích N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Xuân H kết hôn ngày 29/6/2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Chị N đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau được nữa. Nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Xuân H.

Về con chung: Chị và anh Mai Xuân H có 01 con chung là Mai Xuân Bảo A – sinh ngày 21/01/2018. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu A cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh H không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên không có ý kiến của anh H về việc chị N yêu cầu ly hôn. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt chị N, vắng mặt anh H nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 04/9/2020 anh H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Mai Xuân H.

* Do vụ án liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Nguyên đơn chị N đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn anh H không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Bích N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh H cố tình vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Mai Xuân H.

[2] Về hôn nhân: Chị Chu Thị Bích N và anh Mai Xuân H kết hôn ngày 29 tháng 6 năm 2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị N là hoàn toàn chính đáng, bởi trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh được biết cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, mâu thuẫn không thể giải quyết

được. Chị N và anh H đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án anh H cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chứng tỏ, anh H không có sự níu kéo, không mong muốn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị Bích N đối với anh Mai Xuân H.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là Mai Xuân Bảo A – sinh ngày 21/01/2018. Xét thấy, cần giao cháu A cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đúng với quy định của pháp luật. Bởi, cháu A còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) và đang ở cùng với chị N, được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Anh Mai Xuân H không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, cần dành quyền dân sự cho anh H khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Bích N. Cho chị Chu Thị Bích N ly hôn anh Mai Xuân H.

* Về con chung: Giao cháu Mai Xuân Bảo A – sinh ngày 21/01/2018 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị N không được cản trở.

* Dành quyền dân sự cho anh Mai Xuân H khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản.

* Về án phí: Chị Chu Thị Bích N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số: AA/2019/0010825 ngày 16/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Hùng